TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Tuấn K, sinh năm 1986

Nơi cư trú: A2/356, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Phi P, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: A2/356, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn ông Phan Tuấn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Tuấn K và bà Nguyễn Phi P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều. Ông K nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Phi P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phan C, sinh ngày 30/8/2017. Khi ly hôn, ông K xin giao cho bà P nuôi con, tạm thời ông K không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Phi P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Về giải quyết tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Phan Tuấn K được ly hôn với bà Nguyễn Phi P.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, ông K và bà P có 01 con chung là cháu Phan C, sinh ngày 30/8/2017. Khi ly hôn, giao cho bà P nuôi con, tạm thời ông K không phải cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông K khai, ông và bà P tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Ông Phan Tuấn K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Phan Tuấn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Phi P; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông K là nguyên đơn, bà P là bị đơn trong vụ án.

- Theo Biên bản xác minh ngày 05/4/2024 tại Công an phường T thì có căn cứ để xác định: Hiện nay, bà Nguyễn Phi P đang cư trú tại địa chỉ số A2/356, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 04/6/2024, ông Phan Tuấn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố B cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử,

Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Phi P để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Ông K và bà P chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của ông K là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 12/4/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T thể hiện về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K và bà P thì địa phương không rõ do các đương sự không trình báo. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P để hòa giải đoàn tụ nhưng bà P đều vắng mặt không lý do, không có động thái tích cực để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa ông K và bà P là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông K được ly hôn với bà P.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông K và bà P có 01 con chung là cháu Phan C, sinh ngày 30/8/2017. Khi ly hôn, ông K xin giao cháu C cho bà P nuôi, tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu C đang sống cùng bà P, cháu là con gái nên ở với mẹ sẽ ổn định về việc học tập và sinh hoạt, cũng như sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý cho cháu. Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà P thể hiện yêu cầu này của ông K thì bà P không có ý kiến phản đối. Do đó, yêu cầu xin giao cháu C cho bà P nuôi, tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Ông K được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông K khai, ông và bà P tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phan Tuấn K phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và

gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tuấn K, ông Phan Tuấn K được ly hôn với bà Nguyễn Phi P.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông K và bà P có 01 con chung là cháu Phan C, sinh ngày 30/8/2017. Khi ly hôn, giao cho bà P được nuôi cháu C, tạm thời ông K không phải cấp dưỡng do bà P không yêu cầu. Ông K được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông K khai, ông và bà P tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà P về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Tuấn K phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002601 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Phan Tuấn K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Phan Tuấn K và bà Nguyễn Phi P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương